

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN S

TỈNH PH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **01** /2024/HNGĐ - ST

Ngày 29 tháng 02 năm 2024

V/v: “Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN S TỈNH PH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Đình Quang;

-Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Nghị và ông Nguyễn Văn Thìn

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hải Long – Thư ký viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân S tỉnh Ph tham gia phiên tòa: Ông Hà Trọng Thực - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân S, tỉnh Ph, Xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2024/TLST- HNGĐ, ngày 19/01/2024 Về việc “Hôn nhân và gia đình”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 19/02/2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Th**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Khu Tân Lập, xã Minh Đ, huyện Tân S, tỉnh Ph

Bị đơn: Anh **Nguyễn Ngọc D**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Khu Tân Lập, xã Minh Đ, huyện Tân S, tỉnh Ph

(Tại phiên tòa chị Th và anh D có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/01/2024 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Trần Thị Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Th và anh Nguyễn Ngọc D đăng ký kết hôn ngày 27/11/2014 tại UBND xã Minh Đ, huyện Tân S, tỉnh Ph. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chị ở cùng với gia đình anh D tại xã Minh Đ, huyện Tân S được một

thời gian. Quá trình chung sống, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2021 thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau luôn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, hai bên không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, sống với nhau không có hạnh phúc nên chị đề nghị được ly hôn anh Nguyễn Ngọc D.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Minh Ng, sinh ngày 19/05/2015 hiện nay cháu Ng đang ở với anh D. Khi ly hôn, chị Th đồng ý để anh D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ng khôn lớn thành niên, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, tài sản riêng; công nợ, công sức*: Chị Th xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về phía bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc D đã được thông báo về việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình giữa chị Th và anh. Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/01/2024, anh D trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Th đăng ký kết hôn như chị Th trình bày là đúng. Trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, mong muốn ban đầu của anh là vợ chồng về đoàn tụ nhưng cho đến nay chị Th vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh cũng hoàn toàn đồng ý ly hôn với chị Trần Thị Th.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Minh Ng, sinh ngày 19/05/2015, hiện nay cháu Ng đang ở với anh. Khi ly hôn, quan điểm của anh D đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ng khôn lớn thành niên, Anh không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

- *Về tài sản chung, riêng, công nợ, công sức đóng góp*: Anh D xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân S phát biểu quan điểm:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã chấp hành là đúng quy định của pháp luật;

- *Về nội dung giải quyết vụ án*: Căn cứ vào khoản 1 điều 56 điều 57, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình. *Tuyên xử*:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Trần Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Ngọc D.

+ *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung*: Giao cháu Nguyễn Minh Ng, sinh ngày 19/05/2015 cho anh D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh D tự nguyện không yêu cầu. Chị Th được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cấm, cản trở.

+ *Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp*: Chị Th, anh D xác nhận không có và không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Áp dụng khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Nguyên đơn chị Trần Thị Th phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Th có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân S, tỉnh Ph giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Ngọc D. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân S, tỉnh Ph.

Tòa án đã thông báo cho anh Nguyễn Ngọc D về việc thụ lý vụ án Hôn nhân và gia đình giữa chị Th và anh D. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh D đến Tòa án để làm việc nhưng anh D đều vắng mặt với lý do đang chấp hành án tại trại giam Yên Hạ, Cục C10 Bộ công an, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ. Ngày 31/01/2024 Tòa án phối hợp cùng trại giam Yên Hạ, Cục C10 Bộ công an đến tại trại giam nơi anh D đang chấp hành án để tiến hành lấy lời khai của anh D và anh D trình bày quan điểm, ý kiến của mình, đồng thời anh D, chị Th cũng có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh D, chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt; Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tân S xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh D trước khi kết hôn có thời gian tự nguyện tìm hiểu. Ngày 27/11/2014 chị Th và anh D đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Đ, huyện Tân S, tỉnh Ph. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống thời gian đầu vợ chồng anh, chị hòa thuận hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2021 chị Th và anh D không hòa thuận, hạnh phúc, thường xuyên có mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị Th xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Th xin được ly hôn anh D. Về phía anh D cho rằng mâu thuẫn vợ chồng theo như chị Th trình bày là đúng, nay chị Th xin ly hôn anh, anh cũng nhất trí. Xét tình cảm vợ chồng giữa chị Th và anh D đã rạn nứt không thể hàn gắn được. Sau khi chị Th xin ly hôn anh D, anh D cũng đồng ý điều đó chứng tỏ anh D không còn niềm tin vào hạnh phúc của mình. Mặt khác, qua xác minh tại UBND xã Minh Đ cho rằng khả năng đoàn tụ của anh, chị là khó. Như vậy, có thể thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th đối với anh D là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Th và anh D xác nhận có 01 (Một) con chung là cháu Nguyễn Minh Ng, sinh ngày 19/05/2015. Khi ly hôn anh D có quan điểm nguyện vọng là muốn được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, vì hiện nay cháu Ng đang ở cùng với anh và anh không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về phía chị Th cũng đồng ý với anh D về việc giao con chung và cấp dưỡng nuôi con chung. Nên tiếp tục giao cháu Ng cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chị Th được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cấm, cản trở là phù hợp.

2.3. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp*: Chị Th và anh D đều xác nhận không có nên không đặt ra và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy hội đồng xét xử không xem xét.

2.4. *Về án phí*: Chị Trần Thị Th là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

2.5. *Về quyền kháng cáo*: Chị Th và anh D có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

2.6. Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Trần Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Ngọc D.

[2] *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Minh Ng, sinh ngày 19/05/2015 cho anh Nguyễn Ngọc D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ng khôn lớn thành niên. Chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D vì anh D tự nguyện không yêu cầu. Chị Th được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cấm, cản trở.

[3] *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng*: Chị Thảo và anh Dũng đều xác nhận không có nên không đặt ra và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Trần Thị Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Th đã nộp là 300.000 VNĐ (Ba

trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số: BLTU/2023/0004526 ngày 19/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân S, tỉnh Ph.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] *Về quyền kháng cáo:* Chị Th và anh D vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Ph xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- THADS huyện Tân S;
- UBND xã Minh Đ
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Tạ Đình Quang